

12 Tháng Tám 2021



# Bản tin cuối ngày

## Việt Nam

Để đăng ký nhận bản tin, vui lòng liên hệ chúng tôi qua: [cs@miraeeasset.com.vn](mailto:cs@miraeeasset.com.vn)

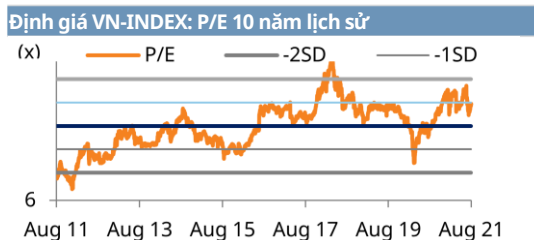
Tổng quan thị trường				
	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
VN-INDEX	1,353.05	-0.35	4.38	59.76
HNX	334.33	-0.03	14.11	187.97
UPCOM	91.98	-0.04	9.64	61.99
MSCI EM	1,297.58	-0.21	-2.20	18.61
NIKKEI	28,015.0	-0.20	-1.94	22.64
HANG SENG	26,517.8	-0.53	-3.62	5.05
KOSPI	3,208.38	-0.38	-1.17	31.90
FTSE	7,205.87	-0.20	1.13	14.74
S&P 500	4,447.70	0.25	1.44	31.58
NASDAQ	14,765.1	-0.16	0.22	34.08

Định giá thị trường			
	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
VN-INDEX	16.44	2.68	16.58
SET INDEX	23.50	1.62	7.07
JCI INDEX	NA	2.07	-7.93
PCOMP INDEX	22.03	1.59	7.48

Lãi suất tham chiếu				
	Thị giá	1D (bps)	1M (bps)	1Y (bps)
Cơ bản	4.00	0	0	-50
5 năm	0.92	-3	-15	-77
10 năm	2.08	-4	-10	-78

Tỷ giá ngoại hối				
	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
US\$/VND	22,805	0.14	0.89	1.58
US\$/KRW	1,161	-0.42	-1.23	2.06
US\$/JPY	110	0.06	0.01	-3.13
US\$/EUR	0.85	-0.08	0.95	0.31
US\$/GBP	0.72	-0.01	0.11	-6.03
US\$/SGD	1.36	-0.01	-0.34	1.14

Giá trị giao dịch bình quân/ngày (triệu US\$)			
	Gần	TB 1 tháng	TB 1 năm
VN-INDEX	1,062	769	583
HNX	151	111	82
UPCOM	76	47	36



### Nhận định thị trường

#### Nhà đầu tư tiếp tục chốt lời

VN-Index trong phiên hôm nay chịu áp lực giằng co mạnh với sắc đỏ và xanh đan xen nhau trong suốt thời gian giao dịch. Tuy nhiên, lực bán có phần chiếm ưu thế hơn về cuối phiên đã khiến cho VN-Index đóng cửa ghi nhận mức giảm 4,7 điểm, chốt ở ngưỡng 1,353 điểm, tương ứng với mức giảm 0,35%.

Nhóm ngành bất động sản (CII, DIG, SCR, DXG) ở chiều tăng điểm. Ngược lại, nhóm cảng biển và logistics chịu áp lực chốt lời mạnh như HAH, GMD, DVP, SGP, VIP, ...

MSN và HPG là những mã đã tác động vào điểm số của VN-Index ở chiều giảm điểm với điểm số lần lượt đạt 0,8 điểm và 0,7 điểm. Còn ở chiều ngược lại, VHM đã hỗ trợ thu hẹp đà giảm với điểm số tác động 0,9 điểm.

Áp lực bán rông của khối ngoại đã có phần suy yếu khi ghi nhận tổng giá trị bán rông hơn 168 tỷ ở trên cả 2 sàn HSX và HNX trong phiên hôm nay. Đứng đầu danh sách bán rông là VNM và VRE với giá trị bán rông của 2 mã ở mức hơn 55 tỷ. Ở chiều ngược lại, PLX ghi nhận mua rông hơn 54 tỷ đồng.

Mặc dù đóng cửa ở mức thấp nhất trong ngày, thế nhưng lực bán không mạnh với số mã tăng giảm cân bằng khi kết thúc. Điểm số đánh giá kỹ thuật của VN-Index tiếp tục duy trì ở mức đánh giá +4 điểm với trạng thái ngắn hạn là KHẢ QUAN. Mức P/E hiện tại của VN-Index đang ở mức 16.4x.

**Trương Hoàng Tiến Hưng**, Analyst, 84-8-39102222, [hung.tht@miraeeasset.com.vn](mailto:hung.tht@miraeeasset.com.vn)

#### Cập nhật kỹ thuật các chỉ số

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn (*)	Trạng thái
VNINDEX	4	<b>KHẢ QUAN</b>
VN30	2	TRUNG TÍNH
VN30F1M	2	TRUNG TÍNH
VN DIAMOND	3	TRUNG TÍNH
VN FIN SELECT	3	TRUNG TÍNH
Shanghai Composite	6	<b>KHẢ QUAN</b>
Kospi	-4	<b>TIÊU CỰC</b>
Nikkei 225	4	<b>KHẢ QUAN</b>
FTSE 100 (EU)	6	<b>KHẢ QUAN</b>
Dow Jones	7	<b>KHẢ QUAN</b>

(\*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VNINDEX	4	<b>KHẢ QUAN</b>
VN30	2	TRUNG TÍNH
VN30F1M	2	TRUNG TÍNH
VN DIAMOND	3	TRUNG TÍNH
VN FIN SELECT	3	TRUNG TÍNH

(\*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Chỉ tiêu VN-Index	Chỉ tiêu	Điểm số
Đóng cửa (12/08/2021)	Kháng cự 1	<b>1.380</b>
Xu hướng ngắn hạn (1 - 4 tuần)	Kháng cự 2	<b>1.420</b>
Xu hướng trung hạn (3 - 6 tháng)	Hỗ trợ 1	<b>1.340</b>
Xu hướng dài hạn (6 - 12 tháng)	Hỗ trợ 2	<b>1.300</b>

VN-Index đang tiến về vùng hỗ trợ trong ngắn hạn quanh vùng giá 1,340 điểm, chúng tôi kỳ vọng lực hồi khả quan khi rơi về vùng hỗ trợ này

## Đồ thị kỹ thuật VN-INDEX (chart ngày)



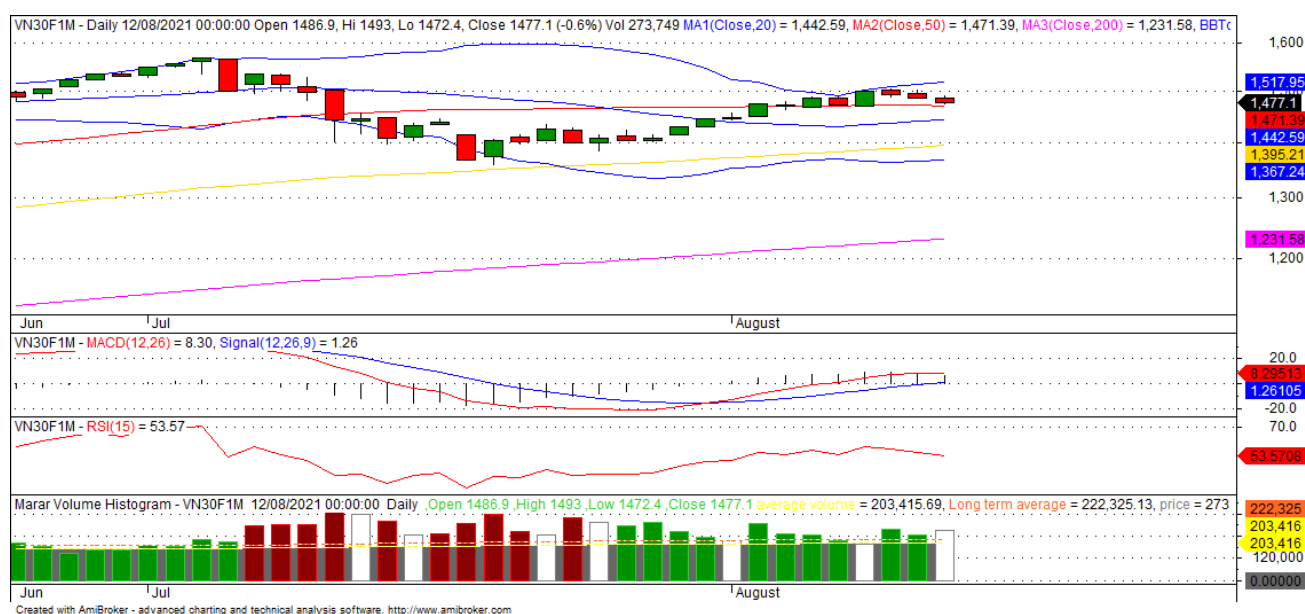
## CẬP NHẬT PHÁI SINH

Chỉ tiêu	Chỉ tiêu	Điểm số
VN30F1M - đóng cửa (12/08/2021)	1.477.1	Kháng cự 1 <b>1.500</b>
Xu hướng ngắn hạn (chart ngày)	<b>TÍCH CỰC</b>	Kháng cự 2 <b>1.550</b>
VN30 - đóng cửa	1.477.1	Hỗ trợ 1 <b>1.450</b>
Chênh lệch <b>VN30F1M &amp; VN30</b>	<b>+0,06</b>	Hỗ trợ 2 <b>1.400</b>

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VN30F1M (chart 15 phút)	-6	<b>TIÊU CỰC</b>
VN30F1M (chart 60 phút)	-2	<b>TRUNG TÍNH</b>
VN30F1M (chart ngày)	2	<b>TRUNG TÍNH</b>

VN30F1M đã gần chạm về ngưỡng hỗ trợ mạnh của mình quanh 1,470 điểm, chúng tôi kỳ vọng sẽ có nhịp phục hồi tích cực khi về vùng giá này.

### Đồ thị kỹ thuật VN30F1M (chart ngày)



Nguồn: Fdata

**ĐIỂM SỐ KỸ THUẬT NGẮN HẠN - TOP 100 MÃ GIÁ TRỊ GIAO DỊCH CAO NHẤT 1 THÁNG**

Mã	Đóng cửa	KLTB 20N	Điểm kỹ thuật (*)	Xu hướng ngắn hạn	Vốn hóa	P/E	P/BV
Đơn vị	(KVNĐ)				(tỷ đồng)	(lần)	(lần)
AAA	17.25	6,011,020	4	KHẢ QUAN	5,119	12.8	1.1
ACB	35.3	10,735,180	2	TRUNG TÍNH	95,379	9.8	2.4
ASM	15.5	3,322,895	7	KHẢ QUAN	4,012	9.9	0.9
BCG	16.25	2,764,995	6	KHẢ QUAN	4,835	5.2	1.3
BID	42.8	1,999,750	2	TRUNG TÍNH	172,142	17.3	2.1
BSR	19.7	13,710,200	2	TRUNG TÍNH	61,080	#N/A N/A	2.0
BVH	55.3	856,205	5	KHẢ QUAN	41,050	22.8	2.0
CTG	34.4	15,693,780	4	KHẢ QUAN	165,318	10.1	1.8
CTR	82.6	1,042,835	-2	TRUNG TÍNH	7,676	27.5	7.2
DBC	56.1	1,742,515	4	KHẢ QUAN	6,465	5.3	1.4
DCM	22	5,758,645	2	TRUNG TÍNH	11,647	19.2	1.9
DDV	15.3	2,445,470	2	TRUNG TÍNH	2,235	78.5	1.8
DGC	98.5	1,427,705	0	TRUNG TÍNH	16,851	16.8	3.8
DGW	159.6	379,160	2	TRUNG TÍNH	7,054	17.3	5.1
DIG	32.55	9,853,840	5	KHẢ QUAN	13,342	17.6	2.8
DPG	39.05	1,111,685	1	TRUNG TÍNH	2,460	8.0	2.1
DPM	32.5	4,504,290	2	TRUNG TÍNH	12,718	11.3	1.5
DRC	33.65	2,834,025	4	KHẢ QUAN	3,997	11.7	2.3
DXG	22.7	5,864,180	4	KHẢ QUAN	11,765	14.3	1.4
FIT	17.1	6,931,300	6	KHẢ QUAN	4,356	31.5	1.4
FLC	11.55	18,601,804	4	KHẢ QUAN	8,200	4.5	0.9
FPT	93.8	4,028,105	-2	TRUNG TÍNH	85,121	22.2	5.1
FRT	40.8	3,725,695	0	TRUNG TÍNH	3,222	48.4	2.6
GAS	94.5	822,090	2	TRUNG TÍNH	180,868	23.2	3.9
GEX	24.1	4,914,785	4	KHẢ QUAN	18,827	13.6	1.5
GIL	70	540,815	4	KHẢ QUAN	2,520	5.9	1.7
GMD	48.3	4,069,495	0	TRUNG TÍNH	14,557	35.6	2.4
GVR	34.3	5,166,745	0	TRUNG TÍNH	137,200	28.6	2.8
HAH	59.1	1,981,830	2	TRUNG TÍNH	2,801	13.3	2.5
HBC	15.05	3,908,110	7	KHẢ QUAN	3,475	23.7	1.0
HCM	50.8	5,626,125	4	KHẢ QUAN	15,496	17.5	3.2
HDB	35.05	2,918,565	2	TRUNG TÍNH	55,862	10.6	2.1
HDC	62.6	1,087,335	0	TRUNG TÍNH	5,205	17.7	4.1
HDG	57.3	3,203,415	0	TRUNG TÍNH	9,376	13.2	2.7
HHV	19.6	2,519,195	5	KHẢ QUAN	5,241	33.6	0.8
HNG	7.62	9,283,640	2	TRUNG TÍNH	8,447	#N/A N/A	1.0
HPG	48.4	25,845,270	2	TRUNG TÍNH	216,489	8.6	2.9
HSG	37.55	12,119,165	2	TRUNG TÍNH	18,365	4.8	1.9
IDC	35.1	1,907,955	2	TRUNG TÍNH	10,530	20.7	2.7
IJC	27.4	6,765,100	4	KHẢ QUAN	5,948	7.8	1.9
ITA	6.51	6,620,890	4	KHẢ QUAN	6,108	30.9	0.6
KBC	34.9	9,333,440	2	TRUNG TÍNH	16,395	19.5	1.6
KDC	61.5	2,110,920	-4	TIÊU CỰC	14,068	31.4	2.4
KDH	40.4	5,484,605	-2	TRUNG TÍNH	25,173	20.5	2.9
KSB	30.2	1,715,605	5	KHẢ QUAN	2,214	10.5	1.4
LCG	14.6	2,987,075	5	KHẢ QUAN	1,683	4.6	0.9
LPB	24.75	8,177,395	2	TRUNG TÍNH	29,789	11.1	1.9
LTG	39.4	947,120	6	KHẢ QUAN	3,175	10.2	1.1
MBB	29.5	14,339,110	2	TRUNG TÍNH	111,460	10.7	2.1
MBS	31.6	3,047,385	4	KHẢ QUAN	8,456	16.8	2.8
MSN	134	1,444,590	0	TRUNG TÍNH	158,192	75.0	7.4
MWG	170	1,110,660	2	TRUNG TÍNH	80,796	17.7	4.4

NAF	31.65	1,473,310	-4	TIÊU CỰC	1,506	25.9	2.4
NDN	23.2	1,615,365	5	KHẢ QUAN	1,662	4.6	1.5
NKG	38.5	6,609,480	2	TRUNG TÍNH	7,007	4.7	1.5
NLG	42.5	3,893,305	0	TRUNG TÍNH	12,124	10.8	1.9
NTL	33.8	2,050,400	5	KHẢ QUAN	2,061	6.7	1.8
NVB	28.9	3,841,945	6	KHẢ QUAN	11,757	140.9	2.7
NVL	103.6	2,804,635	-1	TRUNG TÍNH	152,666	28.8	4.5
PAN	31	1,934,010	5	KHẢ QUAN	6,476	29.2	1.8
PC1	30.3	1,206,870	5	KHẢ QUAN	5,793	12.6	1.4
PDR	92.5	3,171,940	-2	TRUNG TÍNH	45,026	31.9	8.1
PET	25.9	2,702,695	7	KHẢ QUAN	2,164	13.4	1.4
PLX	53	1,508,430	4	KHẢ QUAN	65,922	17.2	2.7
PNJ	94.5	559,330	2	TRUNG TÍNH	21,486	16.2	3.8
POW	11.35	7,965,555	4	KHẢ QUAN	26,580	10.4	0.9
PTB	102.5	437,710	2	TRUNG TÍNH	4,981	11.5	2.5
PVD	19.65	6,008,100	6	KHẢ QUAN	8,275	716.9	0.6
PVS	26.5	10,738,125	4	KHẢ QUAN	12,666	22.8	1.0
PVT	20.6	3,491,655	4	KHẢ QUAN	6,667	8.8	1.4
ROS	5.4	10,736,380	4	KHẢ QUAN	3,065	16.7	0.5
SBS	13.2	3,250,515	2	TRUNG TÍNH	1,672	1,455.3	8.1
SBT	20.3	2,889,105	4	KHẢ QUAN	12,528	19.0	1.6
SCR	11.5	8,953,010	5	KHẢ QUAN	4,213	14.4	0.9
SHB	28.9	15,266,610	4	KHẢ QUAN	55,648	14.8	2.1
SHS	46	6,229,865	5	KHẢ QUAN	9,534	8.9	2.2
SMC	46.4	1,298,185	-2	TRUNG TÍNH	2,827	2.9	1.3
SSI	57.7	13,750,045	2	TRUNG TÍNH	37,789	20.5	3.3
STB	29.6	27,471,150	0	TRUNG TÍNH	55,802	15.4	1.8
SZC	46.4	1,625,675	4	KHẢ QUAN	4,640	18.6	3.5
TCB	52	16,916,380	2	TRUNG TÍNH	182,255	11.3	2.2
TCH	19.5	6,250,715	6	KHẢ QUAN	7,784	8.9	1.3
TNG	24.2	2,237,430	5	KHẢ QUAN	1,925	10.7	1.5
TPB	36.4	6,025,210	4	KHẢ QUAN	39,009	8.7	1.9
VCB	99.9	1,520,385	6	KHẢ QUAN	370,517	18.1	3.5
VCI	55.2	5,191,645	4	KHẢ QUAN	18,382	16.0	3.5
VCS	121	439,885	-2	TRUNG TÍNH	19,360	12.3	4.6
VGJ	18.6	2,938,765	7	KHẢ QUAN	9,300	32.6	1.5
VHC	42.15	1,390,085	4	KHẢ QUAN	7,669	10.4	1.4
VHM	117	5,150,010	4	KHẢ QUAN	384,873	11.8	4.0
VIB	41	1,525,165	2	TRUNG TÍNH	63,679	10.9	3.0
VIC	111.1	2,471,090	0	TRUNG TÍNH	375,788	58.5	4.2
VIX	22.7	2,993,195	4	KHẢ QUAN	2,899	4.1	1.3
VJC	118.7	534,460	4	KHẢ QUAN	64,289	409.1	3.8
VND	49.6	9,408,185	2	TRUNG TÍNH	21,280	9.9	2.2
VNM	90.5	3,195,690	6	KHẢ QUAN	189,141	19.8	6.0
VOS	12.3	3,099,335	5	KHẢ QUAN	1,722	11.3	3.5
VPB	61.9	10,177,790	7	KHẢ QUAN	151,949	12.3	2.5
VPG	48.85	819,220	3	TRUNG TÍNH	2,106	6.1	2.7
VRE	28	4,999,410	4	KHẢ QUAN	63,625	23.4	2.1

(\*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

## Thông tin cập nhật

### Lạm phát tại Mỹ giảm sâu, Dow Jones, S&P 500 lại lập đỉnh

Dow Jones tăng 220,3 điểm, tương đương 0,62%, lên 35.484,97 điểm, vượt đỉnh 35.264,67 điểm thiết lập hôm 10/8. S&P 500 tăng 10,95 điểm, tương đương 0,25%, lên 4.447,7 điểm, vượt đỉnh 4.436,75 điểm thiết lập hôm 10/8. Nasdaq giảm 22,95 điểm, tương đương 0,16%, xuống 14.765,14 điểm. Bộ Lao động Mỹ cho biết chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tăng 0,5% trong tháng 7 sau khi tăng 0,9% trong tháng 6. Đây là mức giảm tháng so với tháng nhiều nhất trong 15 tháng, xoa dịu lo ngại về lạm phát. “Chắc chắn, những con số cho chúng ta thấy đà giảm”, Steven Ricchiuto, kinh tế gia trưởng về Mỹ tại Mizuho Securities USA, New York, nói. Nhà đầu tư gần đây chú ý đến áp lực lạm phát, lo ngại xu hướng tăng giá tiếp diễn có thể khiến Fed sớm siết chính sách hỗ trợ kinh tế hơn dự kiến.

### Tồn kho tại Mỹ giảm, giá dầu tăng

Giá dầu Brent tương lai tăng 81 cent, tương đương 1,15%, lên 71,44 USD/thùng. Giá dầu WTI tương lai tăng 96 cent, tương đương 1,41%, lên 69,25 USD/thùng. Giá dầu giảm đầu phiên sau khi Nhà Trắng cho biết chính quyền Tổng thống Joe Biden kêu gọi OPEC cùng đồng minh, tức OPEC+, tăng sản lượng. Nhà Trắng sau đó giải thích họ muốn OPEC+ hành động trong dài hạn, không nhất thiết phải ngay lập tức. Chính quyền Mỹ bổ sung rằng họ không kêu gọi các nhà sản xuất trong nước tăng sản lượng, giúp thị trường đi lên, theo Phil Flynn, nhà phân tích tại Price Futures Group, Chicago, bang Illinois, nói. OPEC+ hồi tháng 7 nhất trí tăng sản lượng 400.000 thùng/ngày từ tháng 8 đến tháng 12, đồng nghĩa bơm thêm 2 triệu thùng/ngày ra thị trường. Liên minh trước đó quyết định giảm sản lượng kỷ lục gần 10 triệu thùng/ngày hồi tháng 4/2020 để hỗ trợ thị trường năng lượng trước ảnh hưởng từ Covid-19.

### BSR: BSR giảm công suất nhà máy, đổi diện rủi ro không còn sức chứa vì nhu cầu giảm đột ngột

Trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp, UBND tỉnh Quảng Ngãi đã có văn bản đề nghị Thủ tướng Chính phủ quan tâm, xem xét cho chủ trương ưu tiên sử dụng nguồn xăng dầu từ các nhà máy lọc dầu trong nước để đảm bảo cân đối cung cầu thị trường trong nước, giảm thiểu nguồn nhập khẩu xăng dầu nhằm hỗ trợ ổn định sản xuất và tiêu thụ sản phẩm xăng dầu của các nhà máy lọc dầu trong nước. Văn bản nêu rõ, từ khi dịch bệnh Covid-19 tái bùng phát bắt đầu từ các tỉnh miền Trung vào tháng 5 và 6, công tác tiêu thụ các sản phẩm xăng dầu của nhà máy lọc dầu Dung Quất của Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn (UPCOM: BSR) đã bị chững lại và đi xuống. Tình hình dịch bệnh ngày càng diễn biến phức tạp, Chính phủ và địa phương đã thực hiện biện pháp mạnh để kiểm soát dịch như áp dụng Chỉ thị 16 tại các tỉnh phía Nam và thành phố lớn như HCM, Hà Nội, Đà Nẵng... Điều này làm cho nhu cầu tiêu thụ xăng dầu nội địa thời gian qua sụt giảm rất mạnh và dự kiến tiếp tục bị ảnh hưởng rất nghiêm trọng đến cuối năm nay. Theo đó, các thương nhân đầu mối đã giảm/dừng nhận hàng tại nhà máy với khối lượng rất lớn (riêng tháng 7 khoảng 230.000 m<sup>3</sup>). Việc giãn nhận hàng đã làm cho tồn kho của nhà máy tăng lên rất nhanh giai đoạn cuối tháng 7 và đầu tháng 8. Dự kiến lượng hàng nhận trong tháng 8 chỉ khoảng 50-60% sản lượng của hợp đồng, nhiều thương nhân đầu mối không có kế hoạch nhận hàng từ BSR. Do vậy, kho nhà máy đang tồn khoảng trên 200.000 m<sup>3</sup> sản phẩm xăng dầu các loại, tương đương 1,2 triệu thùng và gần 400.000 m<sup>3</sup> dầu thô, tương đương 2,4 triệu thùng.

### IJC: dự chi hơn 387 tỷ đồng mua đất từ Becamex

Công ty Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật (Becamex IJC, HOSE: IJC) công bố quyết định HĐQT về việc nhận chuyển nhượng một phần dự án với Tổng công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp (Becamex, HOSE: BCM) – đơn vị sở hữu 49,76% vốn Becamex IJC. Cụ thể, Becamex IJC sẽ nhận chuyển nhượng 2 lô đất thuộc khu tái định cư Hòa Lợi thuộc Khu liên hợp Công nghiệp – Dịch vụ - Đô thị Bình Dương, phường Hòa Phú, TP Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương từ Becamex. Đó là lô HL-27 diện tích 16.846 m<sup>2</sup>, thời hạn sử dụng đến 23/10/2064 với giá 336,9 tỷ đồng và lô HL-F2 từ ô 1 đến ô 16 có diện tích 2.527 m<sup>2</sup>, thời hạn sử dụng đến 27/4/2059. Tổng giá trị chuyển nhượng hơn 387 tỷ đồng, đã bao gồm thuế giá trị gia tăng nhưng không bao gồm lệ phí trước bạ. Becamex và Becamex IJC thường xuyên có những giao dịch chuyển nhượng đất qua lại. Vào cuối năm 2020, Becamex đã chi gần 800 tỷ đồng để mua quyền sử dụng đất lô J9 tại khu đô thị IJC

thuộc khu đô thị mới, phường Hòa Phú, TP Thủ Dầu Một, Bình Dương. Vào cuối năm 2019, Becamex nhận chuyển nhượng 3 lô đất J10, K8 và K3 thuộc dự án Khu đô thị IJC với giá trị 1.542 tỷ đồng. Vào giữa năm 2016, tổng công ty chi gần 1.400 tỷ để mua các lô đất J5, J6, J11, J12, J8 và J4 thuộc dự án này.

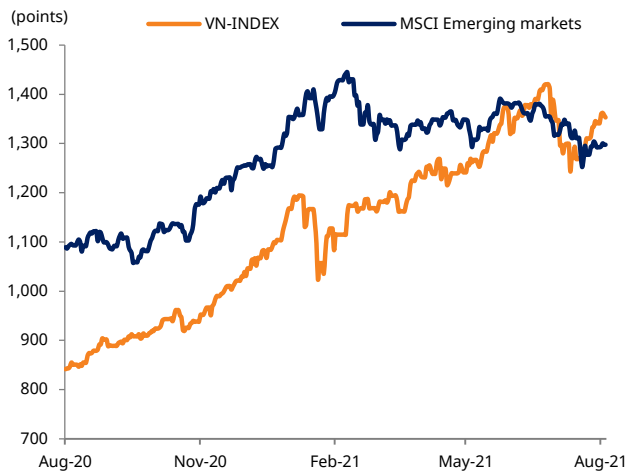
**TIP phát hành 39 triệu cổ phiếu để tăng vốn gấp 2,5 lần**

HĐQT Công ty Phát triển Khu công nghiệp Tín Nghĩa (HoSE: TIP) thông qua phương án chào bán hơn 39 triệu cổ phiếu mới cho cổ đông hiện hữu, tương đương 150% lượng cổ phiếu đang lưu hành. Tỷ lệ phát hành là 2:3, tương đương cổ đông sở hữu 2 cổ phiếu sẽ được quyền mua thêm 3 cổ phiếu mới. Vốn điều lệ dự kiến gấp 2,5 lần, tăng từ 260 tỷ lên hơn 650 tỷ đồng. Cổ đông được phép chuyển nhượng quyền mua một lần. Thời gian thực hiện dự kiến trong năm nay sau khi UBCK chấp thuận. Với giá chào bán 25.000 đồng/cổ phiếu, nguồn vốn huy động dự kiến hơn 975 tỷ đồng. Trên thị trường, đóng cửa phiên 11/8, thị giá TIP ở mức 39.800 đồng/cp.

**GIL: chốt quyền trả cổ tức năm 2020 bằng cổ tức tỷ lệ 20%**

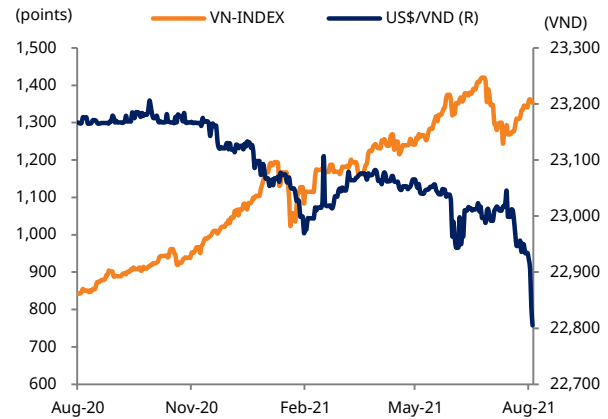
Gilimex (HoSE:GIL) thông báo 19/8 là ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền trả cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu tỷ lệ 20% (cổ đông sở hữu 5 cổ phiếu sẽ được nhận thêm 1 cổ phần mới). Với 36 triệu cổ phiếu đang lưu hành, doanh nghiệp dự kiến phát hành 7,2 triệu cổ phiếu mới để trả cổ tức. Vốn điều lệ sau phát hành dự kiến tăng lên 432 tỷ đồng. Với lượng cổ phiếu lẻ nếu phát sinh, HĐQT sẽ phân phối cho các đối tượng khác với giá chào bán 10.000 đồng/cp. Năm ngoái, doanh thu tăng 40% đạt 3.457 tỷ đồng; lãi sau thuế tăng 92% lên 309 tỷ đồng. Với kết quả này, lãnh đạo Gilimex đã trình và được cổ đông thông qua phương án chia cổ tức tỷ lệ 30%, trong đó 10% tiền mặt đã tạm ứng trong tháng 6. Nguồn vốn thực hiện đến từ lợi nhuận sau thuế lũy kế chưa phân phối tính đến 31/12/2020 (gần 661 tỷ đồng). Ngoài ra, công ty còn hơn 45 tỷ đồng trong quỹ đầu tư phát triển và 227 tỷ đồng thặng dư vốn cổ phần vào cuối năm. Quý II năm nay, công ty cũng tiếp tục ghi nhận mức tăng trưởng 90% lợi nhuận sau thuế lên 148 tỷ đồng, riêng phần lãi thuộc cổ đông công ty mẹ đạt 115 tỷ đồng, gấp gần 2 lần cùng kỳ năm trước. Doanh nghiệp cho biết lợi nhuận trong quý tăng mạnh nhờ doanh thu tăng và có thay đổi cơ cấu mặt hàng xuất bán. Doanh thu thuần cả quý đạt 1.258 tỷ đồng, tăng 37%.

**Biểu đồ 2. VN Index và MSCI Emerging Markets**



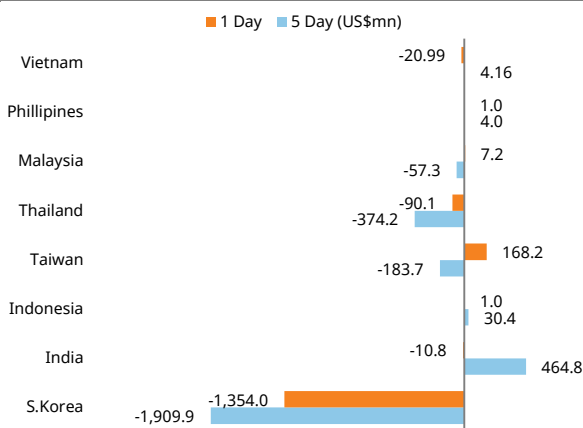
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

**Biểu đồ 3. VN-Index và USD/VND**



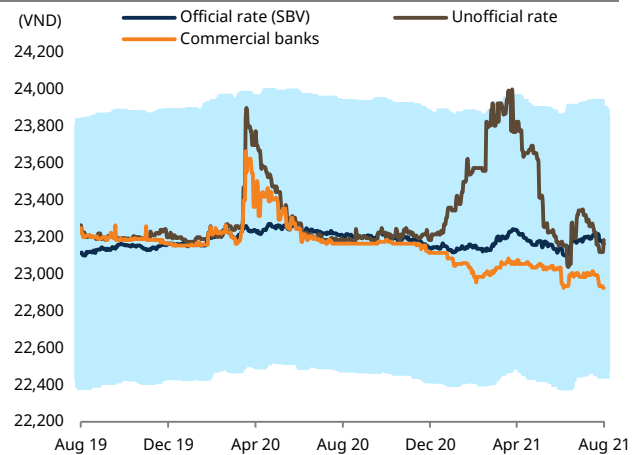
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

**Biểu đồ 4. Hoạt động nhà đầu tư nước ngoài**



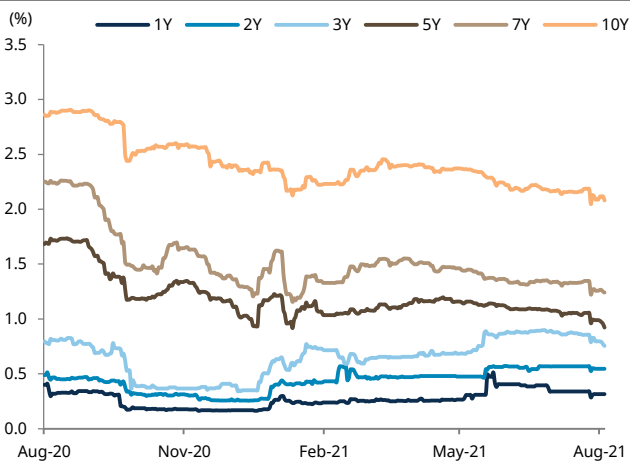
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

**Biểu đồ 5. Tỷ giá USD/VND**



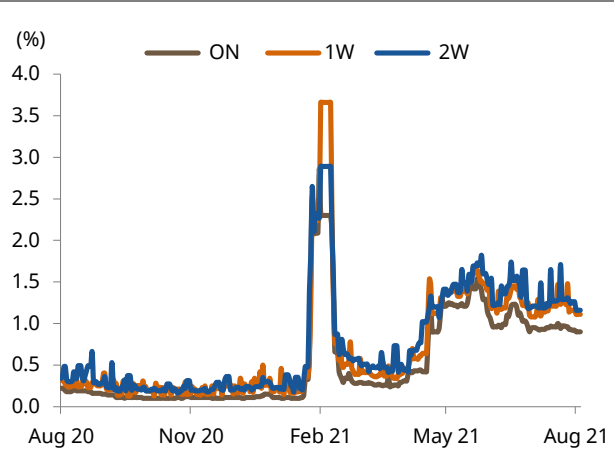
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

**Biểu đồ 6. Lợi suất trái phiếu chính phủ**



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

**Biểu đồ 7. Lãi suất liên ngân hàng**



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset



**Bảng 1: Chỉ số định giá chính của VN30**

Tên công ty	Mã	Giá (VND)	Vốn hóa (VND bn)	Sở hữu khối ngoại (%)	Biến động giá (%)				P/E (x)*		P/B (x)*		Tăng trưởng EPS (%)*		ROE (%)*	
					1D	1W	1M	1Y	2021	2022	2021	2022	2021	2022	2021	2022
<b>VN30 Index</b>	<b>VN30 Index</b>	<b>1,477.06</b>	<b>3,867,227</b>		<b>-0.7</b>	<b>-0.6</b>	<b>2.4</b>	<b>87.3</b>	<b>14.1</b>	<b>12.3</b>	<b>2.7</b>	<b>2.2</b>	<b>36.5</b>	<b>14.4</b>	<b>22.8</b>	<b>20.4</b>
Ngân hàng TMCP Á Châu	ACB VN	35,300	95,379	30.0	-1.9	-1.9	7.8	125.8	9.9	8.3	2.1	1.7	27.4	19.3	24.2	22.6
Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển	BID VN	42,800	172,142	16.7	-0.7	-0.3	1.9	9.2	18.2	13.3	1.9	1.7	62.2	36.8	12.0	14.6
Tập đoàn Bảo Việt	BVH VN	55,300	41,050	26.9	2.0	3.2	9.9	21.7	23.9	21.2	1.9	1.8	11.1	12.8	8.4	9.0
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	CTG VN	34,400	165,318	24.5	0.3	0.6	-1.7	89.7	9.0	7.5	2.0	1.7	34.5	19.7	19.6	20.0
CTCP FPT	FPT VN	93,800	85,121	49.0	-2.4	-2.9	8.9	127.1	20.6	17.1	4.6	4.0	27.2	20.3	25.0	25.9
TCT Khí Việt Nam	GAS VN	94,500	180,868	2.7	-1.0	0.7	7.4	32.7	18.8	16.1	3.4	3.1	24.6	17.0	19.2	20.4
Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam	GVR VN	34,300	137,200	0.6	0.6	-1.6	16.7	209.0	30.0	29.6	2.6	NA	21.3	1.4	9.2	9.0
Ngân hàng TMCP Phát triển TPHCM	HDB VN	35,050	55,862	18.4	-1.1	-1.3	3.7	115.4	10.2	8.5	1.9	1.6	29.3	20.2	21.2	20.1
Tập đoàn Hoà Phát	HPG VN	48,400	216,489	26.7	-1.1	-0.8	7.7	168.9	7.5	7.3	2.3	1.8	127.9	1.7	38.3	28.5
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Nhà Khang Điền	KDH VN	40,400	25,173	30.7	0.9	-1.5	11.6	93.2	20.9	15.2	2.7	2.3	3.2	37.2	14.0	16.7
Ngân hàng TMCP Quân đội	MBB VN	29,500	111,460	29.9	-0.7	-1.7	-1.0	174.3	10.0	8.5	1.8	1.5	34.7	16.8	21.7	21.0
Tập đoàn Masan	MSN VN	134,000	158,192	33.5	-1.9	-0.7	11.8	147.2	51.9	31.8	7.9	6.2	145.1	63.3	13.6	19.0
CTCP Thế giới di động	MWG VN	170,000	80,796	49.0	-2.9	-1.7	-3.7	113.0	16.2	13.3	4.0	3.4	21.4	21.4	26.1	26.4
Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va	NVL VN	103,600	152,666	9.7	-0.3	-4.1	-1.4	120.8	35.7	28.3	4.4	4.3	-0.8	26.0	16.2	13.0
CTCP Phát triển Bất động sản Phát Đạt	PDR VN	92,500	45,026	3.8	-0.4	-1.4	1.8	389.4	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Tập đoàn Xăng Dầu Việt Nam	PLX VN	53,000	65,922	17.5	-0.7	1.1	6.7	14.0	19.2	16.2	2.7	2.7	303.1	18.4	16.2	16.6
CTCP Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận	PNJ VN	94,500	21,486	49.0	-0.9	-1.4	-7.4	73.1	16.9	13.5	3.5	3.0	29.6	25.1	23.4	24.0
TCT Điện lực Dầu khí Việt Nam	POW VN	11,350	26,580	3.0	-0.9	5.1	11.8	16.6	12.8	11.4	0.9	0.9	-10.9	12.2	7.2	7.7
TCT CP Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn	SAB VN	153,100	98,180	62.7	-0.7	-1.7	-3.6	-14.4	19.6	17.0	4.3	3.8	9.4	15.3	24.2	24.4
CTCP Chứng Khoán Sài Gòn	SSI VN	57,700	37,789	50.6	0.0	0.3	16.6	293.9	28.8	23.4	4.2	3.9	2.3	23.0	14.1	14.5
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	STB VN	29,600	55,802	15.7	-2.6	-4.7	4.2	175.3	22.7	15.3	1.8	1.6	4.3	48.9	8.9	11.8
Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	TCB VN	52,000	182,255	22.5	-0.6	-1.0	-2.8	164.6	11.1	9.4	2.0	1.7	33.5	17.5	20.0	19.3
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	TPB VN	36,400	39,009	30.0	-1.6	1.4	3.9	110.8	8.4	6.9	1.7	1.3	26.8	22.1	22.2	21.5
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN	VCB VN	99,900	370,517	23.6	-0.6	0.5	-6.7	21.7	16.4	13.9	3.2	2.6	36.7	18.0	21.7	21.4
Công ty Cổ phần Vinhomes	VHM VN	117,000	384,873	23.7	0.9	4.7	8.3	47.4	12.6	11.2	3.4	2.7	11.6	13.1	31.9	27.6
Tập đoàn Vingroup	VIC VN	111,100	375,788	15.1	0.1	-2.5	6.8	27.1	60.3	59.5	4.2	3.8	8.9	1.4	9.3	8.2
CTCP Hàng Không Vietjet	VJC VN	118,700	64,289	18.3	0.0	1.9	-1.1	18.1	158.3	24.2	3.5	2.9	472.5	552.9	3.8	16.6
CTCP Sữa Việt Nam	VNM VN	90,500	189,141	55.0	-0.4	4.5	4.9	-6.1	18.7	17.4	5.8	5.5	1.7	7.4	32.6	33.6
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	VPB VN	61,900	151,949	15.4	1.1	0.2	-3.3	185.3	9.3	10.4	1.9	1.6	55.9	-10.2	25.1	17.8
CTCP Vincom Retail	VRE VN	28,000	63,625	30.3	0.0	0.2	3.7	6.1	26.4	19.5	2.1	1.9	1.1	35.6	7.5	10.0

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research. Số liệu dự phóng (\*) được tổng hợp từ nguồn Bloomberg.

**Bảng 2: Biến động ngành**

Nhóm ngành (Chuẩn GICS)	Điểm tác động (VN-Index 1D)	Vốn hóa (VND bn)	Biến động giá (%)				P/E (X)*		P/B (X)*		Tăng trưởng EPS (%)*		ROE (%)*	
			1D	1W	1M	1Y	2021	2022	2021	2022	2021	2022	2021	2022
<b>VN-Index</b>	<b>-4.74</b>	<b>5,111,072</b>	<b>-0.3</b>	<b>0.6</b>	<b>4.4</b>	<b>59.8</b>	<b>15.7</b>	<b>13.3</b>	<b>2.7</b>	<b>2.3</b>	<b>35.0</b>	<b>18.0</b>	<b>20.0</b>	<b>18.9</b>
Ô tô và phụ tùng	0.02	9,130	0.7	1.8	17.0	69.3	7.3	6.5	1.4	1.3	30.5	11.4	12.5	12.8
Ngân hàng	-2.68	1,644,640	-0.6	0.6	-1.6	74.2	13.2	10.7	2.2	1.8	35.1	21.0	19.4	18.8
Xây dựng cơ bản	0.59	189,272	1.3	6.2	16.1	81.1	7.8	6.1	0.5	0.4	12.5	23.8	7.8	8.3
Dịch vụ thương mại	0.04	5,243	3.4	9.9	20.1	40.0	9.2	6.6	NA	NA	10.8	39.0	9.6	12.7
May mặc và trang sức	0.00	45,432	0.0	2.1	4.5	142.9	12.9	10.6	2.5	2.2	38.6	22.2	17.4	17.9
Dịch vụ tiêu dùng	0.03	8,566	0.9	3.3	10.5	41.4	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Dịch vụ tài chính	-0.01	98,684	0.0	2.6	14.2	270.4	17.7	14.0	2.8	2.6	18.9	28.7	12.7	13.7
Năng lượng	-0.12	84,224	-0.5	1.8	7.6	29.5	20.8	15.2	2.3	2.2	NA	34.5	14.0	14.5
Thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	-1.22	541,592	-0.8	1.4	5.9	44.1	26.4	19.4	5.2	4.5	54.2	27.7	20.4	22.3
Dịch vụ và thiết bị y tế	0.01	972	3.5	16.9	28.4	35.9	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Hàng cá nhân và gia dụng	0.00	1,899	0.7	0.3	5.8	10.2	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Bảo hiểm	0.23	50,034	1.8	3.3	10.9	29.0	20.8	18.6	1.7	1.6	14.6	11.5	7.8	8.3
Nguyên vật liệu	-1.04	503,003	-0.7	1.1	14.0	175.3	68.9	13.6	2.0	1.0	99.4	-4.6	24.1	18.8
Giải trí và truyền thông	0.00	1,357	-1.3	-3.7	1.7	-27.7	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Dược phẩm	-0.01	35,587	1.7	6.6	7.3	32.9	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Bất động sản	1.41	1,224,919	-0.1	-0.9	2.4	24.0	8.7	7.5	1.4	1.0	6.0	15.1	8.5	9.2
Bán lẻ	-0.66	90,095	0.4	0.0	6.2	68.4	54.2	50.7	3.1	2.7	13.4	18.1	16.2	14.4
Phần mềm và dịch vụ	-0.56	90,336	-2.6	-0.6	-2.2	106.5	15.7	12.7	3.7	3.1	34.4	21.5	23.7	24.1
Thiết bị và phần cứng	-0.05	7,054	-2.2	-2.9	9.7	123.9	19.4	16.1	4.3	3.8	28.2	21.5	23.5	24.4
Dịch vụ viễn thông	0.01	1,425	-2.7	3.0	15.7	278.2	16.5	13.5	4.6	3.5	56.0	22.0	30.8	24.8
Vận tải	-0.33	180,631	2.4	9.7	-10.5	250.0	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA	NA
Tiện ích	-0.58	265,475	-0.6	2.3	10.5	52.9	66.2	12.7	21.8	1.6	NA	NA	-54.3	20.2

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research. Số liệu dự phóng (\*) được tổng hợp từ nguồn Bloomberg.

## Top 10 tác động VN-Index: Chiều tăng điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1D)	Khối lượng	Điểm tác động
VHM VN	117,000	0.9	5,228,900	0.9
VPB VN	61,900	1.1	9,887,800	0.5
BVH VN	55,300	2.0	1,430,300	0.2
GVR VN	34,300	0.6	5,683,500	0.2
DIG VN	32,550	6.4	18,911,600	0.2
BCM VN	45,000	1.1	68,300	0.1
CTG VN	34,400	0.3	13,117,700	0.1
HT1 VN	18,800	6.2	4,156,000	0.1
VIC VN	111,100	0.1	1,833,400	0.1
GEG VN	17,950	6.8	2,271,500	0.1

Nguồn: Bloomberg

## Top 10 tác động VN-Index: Chiều giảm điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1D)	Khối lượng	Điểm tác động
MSN VN	134,000	-1.9	1,946,000	-0.8
HPG VN	48,400	-1.1	21,547,600	-0.7
MWG VN	170,000	-2.9	1,172,100	-0.6
VCB VN	99,900	-0.6	986,600	-0.6
FPT VN	93,800	-2.4	8,399,400	-0.6
GAS VN	94,500	-1.0	727,100	-0.5
ACB VN	35,300	-1.9	12,147,100	-0.5
STB VN	29,600	-2.6	27,936,600	-0.4
BID VN	42,800	-0.7	1,709,400	-0.3
TCB VN	52,000	-0.6	11,779,000	-0.3

## Disclaimers

This report is published by Mirae Asset Securities (Vietnam) LLC (MAS), a broker-dealer registered in the Socialist Republic of Vietnam and a member of the Vietnam Stock Exchanges. Information and opinions contained herein have been compiled in good faith and from sources believed to be reliable, but such information has not been independently verified and MAS makes no guarantee, representation or warranty, express or implied, as to the fairness, accuracy, completeness or correctness of the information and opinions contained herein or of any translation into English from the Vietnamese language. In case of an English translation of a report prepared in the Vietnamese language, the original Vietnamese language report may have been made available to investors in advance of this report.

The intended recipients of this report are sophisticated institutional investors who have substantial knowledge of the local business environment, its common practices, laws and accounting principles and no person whose receipt or use of this report would violate any laws and regulations or subject MAS and its affiliates to registration or licensing requirements in any jurisdiction shall receive or make any use hereof.

This report is for general information purposes only and it is not and shall not be construed as an offer or a solicitation of an offer to effect transactions in any securities or other financial instruments. The report does not constitute investment advice to any person and such person shall not be treated as a client of MAS by virtue of receiving this report. This report does not take into account the particular investment objectives, financial situations, or needs of individual clients. The report is not to be relied upon in substitution for the exercise of independent judgment. Information and opinions contained herein are as of the date hereof and are subject to change without notice. The price and value of the investments referred to in this report and the income from them may depreciate or appreciate, and investors may incur losses on investments. Past performance is not a guide to future performance. Future returns are not guaranteed, and a loss of original capital may occur. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents do not accept any liability for any loss arising out of the use hereof.

MAS may have issued other reports that are inconsistent with, and reach different conclusions from, the opinions presented in this report. The reports may reflect different assumptions, views and analytical methods of the analysts who prepared them. MAS may make investment decisions that are inconsistent with the opinions and views expressed in this research report. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents may have long or short positions in any of the subject securities at any time and may make a purchase or sale, or offer to make a purchase or sale, of any such securities or other financial instruments from time to time in the open market or otherwise, in each case either as principals or agents. MAS and its affiliates may have had, or may be expecting to enter into, business relationships with the subject companies to provide investment banking, market-making or other financial services as are permitted under applicable laws and regulations.

No part of this document may be copied or reproduced in any manner or form or redistributed or published, in whole or in part, without the prior written consent of MAS.